

Biến đổi nhà cửa các dân tộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me ở Việt Nam hiện nay

Nguyễn Thị Song Hà¹

¹ Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: nguyensongha16@gmail.com

Nhận ngày 20 tháng 10 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 23 tháng 2 năm 2021.

Tóm tắt: Các dân tộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me gồm có 21 dân tộc sinh sống ở nhiều tỉnh thành trong cả nước, trong đó nhiều tộc người cư trú ở vùng biên giới Việt Nam - Campuchia, Việt - Lào và Việt - Trung... Sự khác biệt về môi trường địa lý, các yếu tố lịch sử, xã hội dẫn đến sự khác nhau trong văn hóa các dân tộc nhóm ngôn ngữ này. Nhà cửa, không gian sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng có vai trò rất quan trọng đối với các dân tộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me bởi nó thể hiện đặc trưng văn hóa riêng, sự giao thoa văn hóa, mối quan hệ tộc người và mang đậm yếu tố văn hóa vùng. Trong bối cảnh đổi mới, hội nhập, phát triển hiện nay, nhà cửa các dân tộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me đã, đang có những biến đổi sâu sắc.

Từ khóa: Ngôn ngữ Môn - Khơ-me, biến đổi nhà cửa, dân tộc, Việt Nam.

Phân loại ngành: Dân tộc học

Abstract: Ethnicities of the Mon - Khmer language group include 21 ethnic groups living in many provinces throughout Vietnam, many of whom reside in the areas bordering Cambodia, Laos and China... The differences in the geographical environment and historical and social factors have resulted in the differences among their cultures. Housing and spaces of religious and belief activities play very important roles among the groups, exhibiting their specific cultural characteristics, cultural exchanges and ethnic relationships, and the profound regional cultural elements of the region. In the current context of renovation, integration and development, the houses of ethnicities in the Mon - Khmer language groups have been undergoing profound changes.

Keywords: Mon - Khmer language, changes in housing, ethnicity, Vietnam.

Subject classification: Ethnology

1. Mở đầu:

Nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me có 21 dân tộc, trong đó có một dân tộc là dân tộc Khơ-me làm ăn sinh sống ở châu thổ sông Mê Kông; 20 dân tộc (Ba-na, Xơ-đăng, Cơ Ho, Hrê, Mnông, Xtiêng, Bru-Vân Kiều, Cơ-tu, Gié - Triêng, Mạ, Tà-ôi, Co, Chơ-ro, Brâu, Rơ-măm, Khơ-mú, Kháng, Xinh-mun, Mảng, Ô-du) sinh sống ở miền núi các tỉnh vùng Nam Bộ, miền Trung, Tây Nguyên, Tây Bắc, trong đó nhiều tộc người cư trú ở vùng biên giới Việt Nam - Campuchia, Việt - Lào, Việt - Trung và có mối liên hệ với đồng tộc bên kia biên giới. Hai vùng địa lý cư trú khác nhau (châu thổ, miền núi) đã quy định hai loại hình hoạt động kinh tế khác nhau và những nét khác biệt về văn hóa của nhóm Khơ-me châu thổ đồng bằng và nhóm Khơ-me miền núi. Tuy nhiên, trong tiến trình lịch sử, các dân tộc thiểu số nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me đã tiếp thu, ảnh hưởng những yếu tố văn hóa mới như một quá trình tự nhiên. Khi có tác động mạnh của những điều kiện kinh tế - xã hội, các chính sách xã hội... thì sự biến đổi diễn ra càng rõ nét. Sau hơn 30 năm đổi mới đất nước, dưới tác động từ nhiều yếu tố, nhất là sự phát triển công nghệ thông tin truyền thông, kinh tế thị trường, đô thị hóa, giao lưu hội nhập quốc tế, văn hóa của các dân tộc thiểu số ở nước ta nói chung, các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me nói riêng đã biến đổi không ngừng và thể hiện rõ các mối quan hệ tộc người trên lĩnh vực văn hóa. Theo đó, có những yếu tố văn hóa truyền thống bị mai một, trong khi nhiều yếu tố văn hóa mới được nảy sinh và củng cố, làm phong phú thêm các giá trị, đặc trưng văn hóa. Nhiều dân tộc, nhất là

những dân tộc sinh sống ở vùng biên giới còn bị ảnh hưởng từ văn hóa của người đồng tộc và khác tộc ở bên kia đường biên giới, trong đó có thể nói nhà cửa là một trong những thành tố văn hóa biến đổi mạnh mẽ nhất.

Trong bài viết này, chúng tôi tiếp cận khái niệm nhà cửa theo quan điểm của một số nhà nghiên cứu dân tộc học/ nhân học và *Từ điển Bách khoa Việt Nam*. Chu Thái Sơn định nghĩa: “nhà ở là một công trình kiến trúc, một dạng tồn tại của văn hoá vật chất gắn bó mật thiết với đời sống hàng ngày của mỗi gia đình và mỗi con người. Ngôi nhà để ở, sản phẩm lao động của mỗi dân tộc không chỉ đơn thuần là nơi cư trú, dùng để che mưa, tránh nắng, mà trên thực tế, còn là một công trình văn hóa mang tính tổng hợp, mang những sắc thái văn hóa riêng của từng dân tộc, một tiện nghi thích hợp với đặc điểm môi trường thiên nhiên, một trung tâm của mọi hoạt động sản xuất, một biểu hiện của cơ cấu xã hội và của tổ chức gia đình” [4, tr.71-74]. Theo *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, nhà là: (i). Công trình xây dựng, hình thành một tổ hợp của những không gian nhân tạo để phục vụ sinh hoạt và sản xuất của con người. Nhà có thể làm bằng gỗ, tre, nứa, lợp tranh, lá... hoặc làm bằng gạch, bê tông cốt thép, kim loại, chất dẻo... Tùy theo chức năng sử dụng, chia ra: nhà ở, nhà máy, nhà kho, nhà bảo tàng, nhà hát... (ii) *dân tộc*: a) Công trình kiến trúc có mái che mang đặc trưng văn hoá tộc người, được xây cất trong khuôn viên làng để cho từng gia đình cư ngụ. b) Đơn vị xã hội nhỏ nhất, thường có 2 đặc trưng cơ bản: đó là một tổ chức huyết hệ và một đơn vị ngoại hôn. Thành viên của các ngôi nhà trong làng

hợp thành một cộng đồng làng - tổ chức cơ bản của xã hội tộc người [3, tr.207]. *Từ điển Tiếng Việt* [7, tr.700] định nghĩa nhà cửa là nhà ở. Căn cứ vào các khái niệm nêu trên, các loại hình nhà và vị trí, vai trò của từng loại hình nhà trong đời sống văn hóa của các dân tộc thiểu số nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me, bài viết này sẽ làm rõ biến đổi nhà ở, nhà cộng đồng, nhà mồ... gắn với văn hóa của từng tộc người, nhóm tộc người, trong đó nhà ở gắn với đời sống hàng ngày và thực hành các nghi lễ liên quan đến chu kỳ vòng đời, nghi lễ trong gia đình; nhà cộng đồng là nơi diễn ra và chứng kiến nhiều lễ nghi, lễ hội quan trọng có liên quan đến đến cả cộng đồng tộc người, còn nhà mồ là nhà ở, nơi yên nghỉ của thế giới những người đã mất, song nó lại có mối quan hệ gắn bó mật thiết với thế giới của người đang sống... để người đọc thấy được sự phong phú, đa dạng nhưng vô cùng khác biệt về văn hóa nhà cửa của các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me.

Bài viết được tổng hợp, phân tích, đánh giá trên cơ sở khảo sát, nghiên cứu tại các địa phương có các dân tộc thiểu số thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me sinh sống. Cụ thể dân tộc Khơ-me ở xã Phú Tân, Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng; thị trấn Tri Tôn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang; dân tộc Ba-na, Xơ-đăng ở huyện Đăk Hà (xã Đăk Uy, Đăk Ma), thành phố Kon Tum (phường Thắng Lợi), tỉnh Kon Tum; dân tộc Cơ-tu ở xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam; dân tộc Khơ-mú ở huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Cơ sở dữ liệu dựa trên kết quả điều tra và xử lý bằng phần mềm SPSS cho 554 phiếu hỏi bảng hộ gia đình cùng với 40 cuộc phỏng vấn sâu, 20 cuộc thảo luận nhóm là

những người am hiểu về văn hóa của dân tộc Khơ-me (254 phiếu), Xơ-đăng (119 phiếu), Ba-na (181 phiếu), Cơ-tu, Khơ-mú (thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu - PVS) tại các điểm nghiên cứu.

2. Thực trạng biến đổi nhà cửa các dân tộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me

Mỗi dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me đều có những đặc trưng riêng về cấu trúc nhà cửa. Dân tộc Khơ-me ở các tỉnh Nam Bộ trong truyền thống chủ yếu là nhà sàn làm bằng gỗ, tre, mái lợp tranh hoặc rơm, rạ, kiểu nhà sàn phù hợp với mùa nước lũ hàng năm, cao đến 5-7 m, 3 gian quay về hướng Đông. Đối với người Khơ-me ở tỉnh Sóc Trăng do cư trú ở vùng đất cao hơn nên họ sống trong những ngôi nhà đất, nổi mái. Tuy nhiên, hiện nay loại hình nhà sàn này đã bị mai một, chỉ còn thấy rải rác ở huyện Tri Tôn, Châu Phú, tỉnh An Giang, nhất là ở những nơi giáp với biên giới Việt Nam - Campuchia [8, tr.52-75]. Do quá trình sinh sống cận cư, đan xen lâu đời với 3 dân tộc là Chăm, Hoa, Kinh nên nhiều đặc điểm văn hóa, trong đó có nhà ở của người Khơ-me cũng như người Hoa, Chăm, Kinh có sự giao thoa, hội nhập và tiếp biến lẫn nhau. Văn hóa của người Kinh đã có những ảnh hưởng khá lớn đến nhà ở của người Khơ-me. Phần lớn người Khơ-me hiện nay đang sinh sống trong những ngôi nhà hình ống xây bằng gạch với mái nhà đã được cải tiến lợp tôn hoặc làm trần xi măng (tỉnh Sóc Trăng), nhà đất mái ngói, mái tôn hoặc mái lá (tỉnh An Giang). Ở trung tâm thành phố, thị trấn, nhiều gia đình ở nhà xây mái bằng hoặc nhà xây hai, ba tầng.

Bảng 1: Loại nhà gia đình đang ở của người Khor-me [2]

Loại nhà đang ở	Số lượng	Tỷ lệ %
Nhà truyền thống của dân tộc	10	3,9
Nhà xây theo kiểu dáng truyền thống	65	25,6
Nhà ở hiện đại, mái bằng cao tầng	123	48,4
Vừa có nhà truyền thống vừa có nhà hiện đại	40	15,7
Không biết	16	6,3
Tổng cộng	254	100

Bảng 1 (kết quả khảo sát nhà ở của người Khor-me qua 254 phiếu khảo sát bảng hỏi hộ gia đình ở tỉnh Sóc Trăng và An Giang) cho thấy, ngôi nhà hiện nay của người Khor-me tại địa bàn khảo sát hầu hết là nhà ở hiện đại, nhà mái bằng hoặc cao tầng (48,4%), nhà xây theo kiểu dáng truyền thống (25,6%); chỉ có 3,9% số người được hỏi là ở trong ngôi nhà truyền thống của dân tộc. Nhà của người Khor-me hiện nay thay đổi nhiều so với truyền thống từ kiểu dáng, không gian phân bố, mục đích sử dụng, nguồn nguyên vật liệu làm nhà và sự sắp xếp, bố trí các vật dụng trong nhà. Một người phụ nữ ở Sóc Trăng cho biết: “Nếu như trước đây nhà có ngăn ra các buồng bằng hệ thống cửa, có bếp để phía sau tách biệt so với nhà, nhà sàn để ngủ và tiếp khách, thì trong ngôi nhà hiện nay phần bếp và khu vệ sinh được thiết kế liền kề với khu nhà sẽ thuận lợi hơn đặc biệt đối với người già cho việc ăn uống, tắm rửa không cần phải đi xa, ban đêm không phải ra khỏi nhà” (PVS, nữ, ấp Phước Quới, xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng) [2]. Theo một người dân ở tỉnh Sóc Trăng: “Trước đổi mới, người Khor-me ở nhiều trong nhà lá, cột tre và chỉ có 1 gian. Trong nhà, bàn thờ tổ tiên đặt ở giữa nhà, hướng ra cửa theo hướng mặt trời mọc để có ánh

sáng vào nhà giúp cho các thành viên trong nhà mạnh khỏe, may mắn. Nhưng hiện nay phần lớn các hộ gia đình người Khor-me ở nhà xây cấp 4, mái lợp tôn. Kiểu dáng nhà, vật liệu làm nhà thay đổi, học hỏi người Kinh, người Hoa. Đã có nhiều gia đình thuê thợ người Kinh đến xây nhà. Vị trí đặt bàn thờ cũng không nhất thiết phải hướng Đông, nhiều gia đình xem thầy cúng, hướng nào hợp với chủ nhà thì đặt bàn thờ theo hướng đó” (PVS, nam, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng) [2].

Với 20 tộc người còn lại cư trú ở khu vực miền núi, ở mỗi vùng các tộc người này đều mang trong mình những đặc điểm riêng về văn hóa, trong đó có nhà ở do sự tác động của điều kiện tự nhiên, sự giao thoa văn hóa với các tộc người cùng cư trú, sinh sống tại mỗi vùng. Có sự khác biệt trong cấu trúc, loại hình nhà ở của các nhóm Môn - Khor-me miền núi giữa vùng Tây Nguyên, Tây Bắc, Đông Bắc và miền Trung Tây Nguyên.

Trước đổi mới, hầu hết các tộc người nhóm Khor-me miền núi đều ở nhà sàn nhỏ dành cho gia đình nhỏ cư trú, làm từ tranh tre, nứa, lá. Có đôi chút khác biệt trong cấu trúc nhà ở mỗi tộc người, chẳng hạn ở Kon Tum, do cư trú gần với biên giới Việt - Lào, có mối quan hệ giao thương, buôn bán

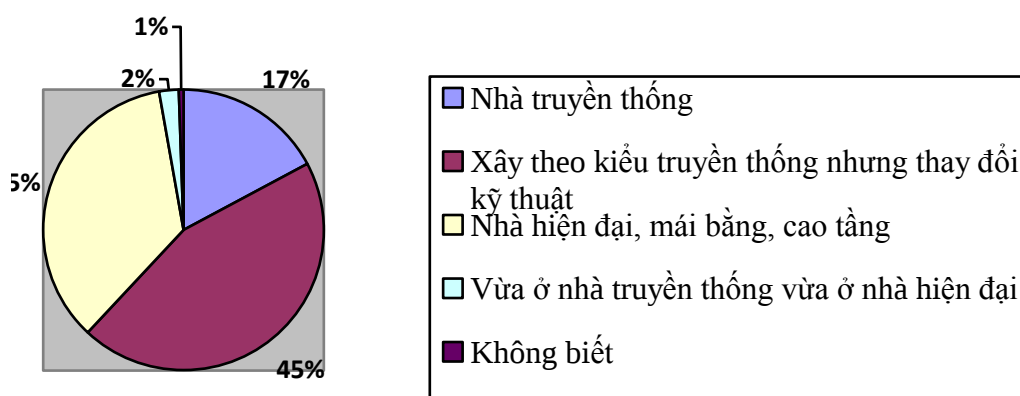
và qua lại với nhóm đồng tộc bên kia biên giới nên nhà sàn của người Ba-na chịu ảnh hưởng nhà người Lào, có lan can gỗ, tường trát bùn xoa phẳng, có cửa chính phía trước và hai cửa phụ ở hai đầu hồi. Trước cửa chính có một sàn phụ nối với cầu thang, mặt bằng nhà có hình chuỗi vồ. Ngôi nhà của người Ba-na gồm 3 hoặc 5 gian, không thấy nhà sàn có gian chẵn [1, tr.155]. Trong khi đó, nhà sàn Xơ-đăng mang đậm bản sắc nhà sàn Môn - Khơ-me truyền thống về kiến trúc và chức năng, không có lan can, gian giữa không có nơi đặt bàn thờ Chúa, nhà có sàn thấp hơn nhà sàn Ba-na. Vách nhà được làm bằng những tấm gỗ xẻ mỏng, đóng dựng đứng sát vào nhau bao quanh hàng cột theo đúng chu vi của một ngôi nhà (trừ các cửa ra vào). Nhà có kết cấu gồm hai mái chính (mái trước và mái sau) có độ dốc không lớn, nơi hai đầu hồi được làm thêm hai chái để che tạm nắng, mưa. Một ngôi nhà sàn truyền thống của người Xơ-đăng thường chỉ bố trí 3 cửa ra vào, trong đó, cửa chính nằm ở trung điểm của vách trước và hướng thẳng về con suối lớn, nơi có nguồn nước phục vụ cho dân làng hoặc ngọn núi nơi mặt trời mọc (vì người Xơ-đăng quan niệm thần nước, mặt trời, ông đất là những vị thần tối cao của dân tộc họ). Khách, người lạ mặt thường được chủ nhà đón tiếp từ cửa này. Hai cửa phụ được đặt ở đầu hồi ngôi nhà. Trong đó, cửa phụ hướng Đông là nơi có máng nước chảy về nên thường bố trí các vật dụng nấu, nướng, sinh hoạt ở cửa này. Cửa hướng Tây thường được mở những khi nhà đông khách hoặc dịp có lễ hội. Nhà ở của người Gié - Triêng là ngôi nhà sàn ngắn thuộc loại hình nhà mai rùa, gồm 4 mái (hai mái chính, hai mái phụ), mỗi bên là một nửa hình chóp nón...

mang kiến trúc cổ điển, độc đáo của cư dân bản địa Đông Nam Á. Ở Kon Tum, mỗi dân tộc có hình dáng, quy mô, kết cấu kiến trúc nhà sàn khác nhau, ví dụ người Xơ-đăng, Ba-na sinh sống ở huyện Đắk Hà, huyện Tu Mơ Rông, thành phố Kon Tum, huyện Kon Rẫy... trước đây nhà sàn là nhà dài với hộ gia đình lớn (dòng họ) cư trú, mái nhà có hình lưỡi rìu bổ ngửa lên trời (hình hai bàn tay chum lại như khăn vải thần linh), dân tộc Gié - Triêng ở huyện Ngọc Hồi thì mái nhà sàn có hình con thuyền độc mộc lật úp lại với hộ gia đình nhỏ và vừa cư trú.

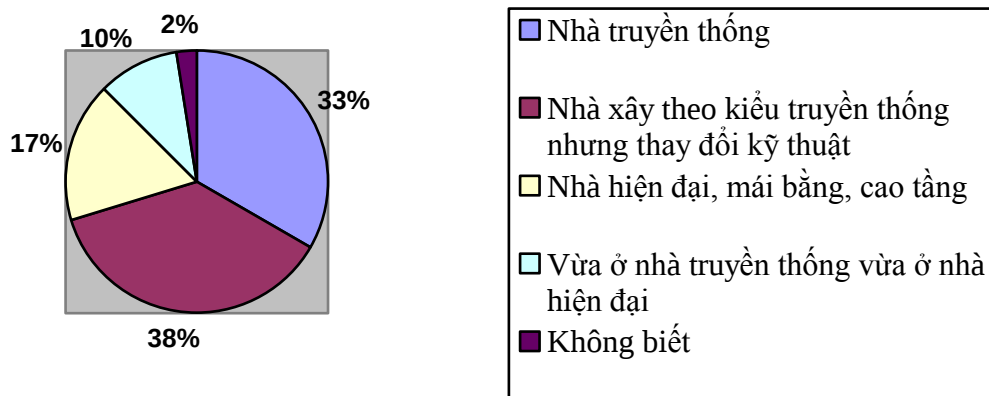
Kể từ khi thống nhất đất nước đến nay, nhà của các dân tộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me ở khu vực Trường Sơn - Tây Nguyên đã biến đổi nhanh chóng. Nhiều nguyên nhân dẫn đến điều này, song theo nhiều nghiên cứu, việc thực hiện các cuộc vận động định canh định cư cũng là một trong số những nguyên nhân khiến cho các ngôi làng truyền thống của đồng bào tại chỗ ở vùng Trường Sơn - Tây Nguyên thay đổi. Ngoài ra, do rừng ngày càng xa nơi cư trú, do vật liệu gỗ và tranh, tre, nứa, lá đã khan hiếm, bên cạnh số ít nhà sàn truyền thống, xuất hiện ngày càng nhiều loại nhà trệt bán kiên cố do thợ người Kinh xây dựng, giống ngôi nhà người Kinh ở đồng bằng các tỉnh miền Trung, ba gian, hai chái, bốn mái, nền nhà lát xi măng hay lát gạch, vách nhà bằng gỗ, mái lợp ngói hay prôximăng, trong nhà bày các tiện nghi mới như: giường, tủ, bàn ghế, nhiều nhà đã có tivi, đài. Nhà gồm ba gian, hai chái, gian giữa là gian khách, gian phải là gian vợ chồng chủ nhà, gian trái dành cho vợ chồng con đầu, trẻ vị thành niên ngủ ở gian giữa. Một số hộ khá giả đã xây nhà kiên cố, mái bằng hai tầng hay nhiều tầng. Phía sau nhiều ngôi nhà trệt

và nhà kiên cố là ngôi nhà sàn nhỏ như là hời âm và sự níu kéo truyền thống của lớp người già. Nếu như trước kia, hướng nhà thường theo hướng mặt trời mọc, thì nay thay đổi theo hướng ra đường. Hiện nay, nếu chỉ nhìn vào bên ngoài của ngôi nhà, khó có thể phân biệt đâu là nhà của người Ba-na, Xơ-đăng hay Gié - Triêng... Một số hộ gia đình ở giáp với biên giới Việt - Lào, ngoài ảnh hưởng về nhà ở của người Kinh còn tiếp nhận kiểu nhà lợp mái ngói màu, 3 lớp giống các dân tộc ở bên kia biên giới. Nghiên cứu cho thấy, nơi người Ba-na và Xơ-đăng sinh sống, quá trình chuyển đổi từ nhà sàn xuống nhà trệt, nhà kiên cố diễn ra khá nhanh chóng và phổ biến ở cộng đồng người Ba-na nhưng chậm hơn ở người Xơ-đăng. Hay như nhà sàn truyền thống dành cho gia đình nhỏ vẫn còn tồn tại ở người Bru - Vân Kiều, Tà-ôi, Cơ-tu ở huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị và huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế nhưng chất lượng đã bắt đầu xuống cấp. Nhà ở của người Cơ-tu tỉnh Quảng Nam còn giữ được nhiều bản sắc cổ truyền. Nhà ở của người Ba-na ở Bình Định vẫn còn nhà sàn truyền

thống nhưng cách tân với diện tích rộng hơn và mái lợp ngói công nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy, ở huyện Tu Mơ Rông chỉ có 32% nhà ở của người Xơ-đăng là nhà trệt và nhà kiên cố; tại phường Thắng Lợi, Thành phố Kon Tum, 45% nhà ở của người Ba-na là nhà trệt kiên cố, 35% ở nhà hiện đại, mái bằng, cao tầng; còn huyện Đăk Hà thì 38% người Xơ-đăng ở nhà trệt, nhà xây kiên cố, 17 % ở nhà xây mái bằng, nhà cao. Như vậy, đã có nhiều gia đình là người Ba-na, Xơ-đăng xây nhà cao tầng và thuê người Kinh đến xây dựng. Có sự thay đổi ở mức độ khác nhau về nhà ở giữa các vùng, các địa phương mà các tộc người, nhóm tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me sinh sống, tuy nhiên sự biến đổi thể hiện rõ ở mỗi làng là đã có một vài nhà xây kiên cố mái bằng hay nhiều tầng (các hộ có đời sống khá giả). Phía sau một số nhà trệt vẫn còn ngôi nhà sàn nhỏ dành cho người già như là sự níu kéo truyền thống. Hình 1 và hình 2 là kết quả khảo sát mức độ biến đổi nhà ở của người Ba-na và Xơ-đăng qua 300 phiếu khảo sát bảng hỏi hộ gia đình ở thành phố Kon Tum, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum:



Hình 1: Biến đổi nhà ở của người Ba-na [2]



Hình 2: Biến đổi nhà ở của người Xơ-đăng [2]

Đánh giá mức độ biến đổi nhà ở của các dân tộc thiểu số tại chỗ thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me ở Tây Nguyên nói riêng, các dân tộc ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên nói chung, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, sự tác động của quá trình đổi mới, sự giao thoa văn hóa, quá trình định canh định cư, di dân của các tộc người từ phía Bắc vào Tây Nguyên trong một thời gian dài cùng chương trình 134, 135 tác động mạnh mẽ đời sống của người dân Tây Nguyên. Có thời gian, chương trình 134, 135 của Nhà nước đã thổi vào Tây Nguyên và các tỉnh miền núi miền Trung một luồng sinh khí mới, đáp ứng niềm mong đợi của một bộ phận đồng bào dân tộc miền núi có nhiều hộ nghèo, tháo gỡ cho nhiều địa phương những khó khăn, bức bách về nhà ở đối với các hộ gia đình nghèo dân tộc thiểu số. Nhưng trên thực tế, nhiều ngôi nhà thuộc chương trình 134 ở vùng đồng bào dân tộc tại chỗ Tây Nguyên đã không đáp ứng được nhu cầu sử dụng của người dân, nhất là các yếu tố về phong tục, tập quán và văn hóa. Chẳng hạn như ở xã Hà Đông, huyện Đắk Đoa, tỉnh Gia Lai, có gần 350 căn nhà được xây dựng theo

chương trình 134 của Chính phủ thì có tới gần 100 căn nhà trong số này bị bỏ hoang, xuống cấp. Hay như, ở một số nơi người Ba-na, Xơ-đăng sinh sống, những ngôi nhà 134 thấp bé, cùng 1 kiểu dáng, được xây dựng phía trước khu vực nhà sàn của đồng bào nên vừa không đáp ứng được nhu cầu sử dụng nhà ở của người dân, lại vừa phá vỡ cảnh quan truyền thống của đồng bào các dân tộc nơi đây.

Đối với các dân tộc thiểu số thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me, ngoài nhà ở thì những nơi sinh hoạt cộng đồng có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với đời sống văn hóa tinh thần. Với người Khơ-me ở vùng Nam Bộ, chùa có một ý nghĩa rất quan trọng trong đời sống văn hóa. Chùa Khơ-me có kiến trúc khá độc đáo. Gần như ở phum, sóc nào có người Khơ-me sinh sống đều có chùa, nhà của người Khơ-me sẽ được xây dựng bao quanh các ngôi chùa ấy. Ngôi chùa không những là trung tâm tín ngưỡng - tôn giáo, mà còn là nơi tổ chức các sinh hoạt văn hóa của cộng đồng, qua các lễ hội hàng năm; là trung tâm đào tạo sư sãi, là trường học và là nơi lưu truyền chữ Pali, chữ Khơ-me cho các thế hệ tiếp nối. Một số

chùa quan trọng còn là thư viện lưu giữ các thư tịch cổ, là viện bảo tàng, là nghĩa trang... Chùa gắn bó mật thiết đến cuộc sống của người Khơ-me, là nơi ở, nơi thực hành nghi lễ của mỗi con người và chốn an yên khi về già, về với tổ tiên. Vì thế, người Khơ-me luôn đóng góp tiền của để xây dựng, tu sửa chùa khang trang [6]. Theo số liệu thống kê, hiện nay ở Nam Bộ có 436 ngôi chùa lớn nhỏ, trong đó Sóc Trăng có 92 chùa, 38 Salatel, An Giang có 68 chùa của người Khơ-me. Số lượng các chùa ở Nam Bộ, trong đó có các chùa của người Khơ-me đã góp phần minh chứng và khẳng định đời sống tinh thần của người Khơ-me từ trước đến nay gắn chặt với tôn giáo, với chùa.

Trong khuôn viên của chùa có nhiều dạng thực kiến trúc khác nhau như sala, nhà tăng, nhà tu thiền định, nhà thiêu hương và các tháp thờ. Ngôi chính điện có cấu trúc truyền thống với ba cấp mái, các hoa văn cách điệu, mô típ rồng với đuôi cong vút lên trời, chùa lợp mái ngói, đôi khi được lợp ngói tráng men với nhiều màu sắc khác nhau. Trong chùa, điêu khắc tập trung vào các tượng Phật. Mặt ngoài chùa, tháp thường được trang trí tượng tròn, phù điêu lẫn hình chạm chim. Ngoài tượng Phật bốn mắt có các tượng khác như Rياهو nuốt mặt trời, mặt trăng, vũ nữ, thần đất, các linh thú như: voi, khỉ, sư tử. Cho đến nay, về cơ bản các mô típ kiến trúc cổ truyền cơ bản vẫn được duy trì, song do hầu hết các chùa Phật giáo Nam tông của người Khơ-me được xây dựng từ lâu nên nhiều chùa đã hỏng, xuống cấp nên cần được tu tạo, xây dựng lại.

Do vị trí Nam Bộ tiếp giáp với một số nước ở khu vực Đông Nam Á như Thái Lan, Lào, đặc biệt là Campuchia, sư sãi ở các chùa ở Nam Bộ cũng như người Khơ-me có

quan hệ khá chặt chẽ với sư sãi Campuchia. Do đó, các pho tượng đặt thờ tại chánh điện nhiều chùa của người Khơ-me được đưa về từ Campuchia, Thái Lan... Đây là điểm khác biệt trong ngôi chùa của người Khơ-me ở Nam Bộ khác với các ngôi chùa của các dân tộc khác, nhất là chùa của người Kinh. Người Khơ-me có hiện tượng cộng cư với người Kinh, người Hoa, nên hiện tượng giao lưu, tiếp biến văn hóa rõ nét từ nhiều thế kỷ. Dấu ấn ấy, hàng bao thế kỷ đã diễn ra trong ngôi chùa của người Khơ-me. Điều này được thể hiện cụ thể từ vị đại đức, sống tu tại chùa mang hai dòng máu Khơ-me (mẹ) và Hoa (cha) hoặc Khơ-me (cha) và Kinh (mẹ)... đến các hoành phi, tranh, ảnh, vốn là những tặng vật của chùa ngoài chữ Pa li còn được chạm khắc chữ Hán và mang đậm nét văn hóa Hoa. Trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay, mối quan hệ với các nước Đông Dương, Phật giáo Nam tông của người Khơ-me ngày một biến đổi, đặc biệt là trên lĩnh vực văn hóa. Điều này cũng đặt ra nhiều vấn đề cần suy nghĩ trong các bước định hướng cho việc bảo tồn, gìn giữ và phát huy văn hóa truyền thống của cộng đồng Khơ-me ở Nam Bộ, nhất là qua các hệ thống di tích chùa... Một cán bộ cho biết: “Có khá nhiều chùa Khơ-me nổi tiếng như chùa Dơi (Sarây) có kiến trúc giao thoa với Campuchia, chùa Chén Kiêu (chùa SroLôn), chùa Khleang là ngôi chùa cổ kính nhất ở Sóc Trăng, có sự kết hợp kiến trúc của cả 3 dân tộc Khơ-me, Hoa, Kinh” (PVS, nam, Sở Văn hóa Thể thao và du lịch tỉnh Sóc Trăng) [2].

Với các dân tộc thuộc khu vực Trường Sơn - Tây Nguyên, các ngôi nhà sinh hoạt cộng đồng có một vị trí đặc biệt quan trọng, nó gắn liền với niềm tin, tôn giáo tín ngưỡng

của cộng đồng tộc người. Ở mỗi một tộc người có cách thức riêng trong việc gọi tên, sắp xếp, bài trí, dựng nhà cộng đồng. Nhà sinh hoạt cộng đồng được coi là một trong các biểu tượng văn hóa của tộc người bởi nó được coi là một công trình kiến trúc nghệ thuật của cả cộng đồng, thể hiện quan niệm về cái đẹp, nhân sinh quan, thế giới quan tộc người, có ý nghĩa là cầu nối giữa con người và vũ trụ, là nơi giao hòa và gửi gắm giữa con người với thế giới thần linh, đồng thời nhà sinh hoạt cộng đồng còn là nơi hội họp, sinh hoạt văn hóa, trao đổi bàn luận các công việc hệ trọng, thực thi các luật tục của cộng đồng, do chính cộng đồng tộc người chung tay, góp sức để xây dựng. Thông thường, mỗi buôn làng có một ngôi nhà chung và tùy mỗi dân tộc có tên gọi khác nhau, chẳng hạn như người Cơ-tu gọi là nhà *guol*, người Ba-na, Xơ-đăng... gọi là nhà *rông*. Nhà này thường được dựng trên một bãi đất rộng, là ngôi nhà có mái cao nhất trong buôn làng, cột cái trong nhà thường được chạm khắc nhiều hoa văn, nhiều hình tượng động, thực vật sinh động, gắn liền với đời sống của đồng bào, trong đó thường lưu giữ những bộ công, chiêng, ché rượu. Trên mái nhà, tùy từng tộc người mà được trang trí khác nhau, đó là các sản phẩm biểu hiện tài năng nghệ thuật và tính cách dân tộc. Chẳng hạn nhà của người Xơ-đăng, nóc và mái nhà thường được tạo thành một cánh buồm lớn, có hình chim chèo bẻo hay sừng thú gắn trên hai đầu nóc; nhà của người Cơ-tu mái lợp bằng lá, lá nón hoặc lá mây, ở hai đầu mái gắn biểu tượng 2 con gà trống; tấm vách trong nhà *guol* là những bức phù điêu, chạm trổ, điêu khắc hình ảnh các con linh vật sinh động như con trâu, tắc kè, kỳ đà, các loại chim

thú, cỏ cây, mặt trăng, mặt trời... hoặc người đàn ông đánh trống, săn bắt, người phụ nữ múa, bông con, giã gạo, dệt thổ cẩm. Trên cột lớn nhà *rông*, nhà *guol* các nghệ nhân dân gian thường điêu khắc những biểu tượng minh họa mong muốn cuộc sống no đủ...

Nhà sinh hoạt cộng đồng (*nhà rông*, *nhà guol*) của các dân tộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me miền núi cư trú ở vùng miền Trung - Tây Nguyên cũng là thành tố văn hóa chịu nhiều tác động trong thời kỳ đổi mới. Có thời kỳ hàng chục năm, do ít được quan tâm, nhiều làng đã mất nhà *rông*. Những năm từ 1990 lại đây, gắn với định canh định cư và triển khai Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) về giữ gìn và phát huy vốn văn hoá dân tộc, Nhà nước chủ trương khôi phục nhà *rông* truyền thống ở các buôn làng Tây Nguyên. Do nguyên liệu từ rừng khan hiếm, nên các ngôi nhà *rông*, nhà *guol* theo truyền thống không còn nhiều và quá trình bê tông hoá nhà *rông* Tây Nguyên đã diễn ra. Gạch, xi măng, cốt thép và mái tôn được thay thế tre, gỗ và lá tranh. Toàn bộ kinh phí, vật liệu do nhà nước đầu tư. Thợ xây dựng nhà *rông* chủ yếu là người Kinh từ Nam Hà, Thái Bình, Đà Nẵng... khó có đủ nhận thức và kiên nhẫn để xây dựng nhà *rông* với các biểu tượng văn hóa như chính các nghệ nhân tại chỗ. Vì thế, về kiểu dáng, vật liệu, trang trí, sắp đặt trong các ngôi nhà *rông* khá giống nhau. Không gian bên trong các ngôi nhà *rông* không còn treo công chiêng, không còn để ché rượu do nạn “chảy máu chông chiêng”, mà thay vào đó là những băng rôn, khẩu hiệu, ảnh Bác Hồ, các loại bằng khen, giấy khen, huy chương các giải thể thao, ảnh... Nhà *rông* không còn được sử dụng

nhieu vào trong thực hành tín ngưỡng của cộng đồng, mà thay vào đó dùng làm nơi để hội họp, phổ biến nghị quyết, chính sách hoặc tập huấn các lớp nghiệp vụ... Điều này khiến cho các tín ngưỡng truyền thống của cộng đồng có nguy cơ mai một, và cũng là nguyên nhân để các loại hình tôn giáo mới xâm nhập vào cộng đồng các dân tộc ở Tây Nguyên. Theo thống kê của Sở Văn hóa Thể thao và du lịch tỉnh Kon Tum, toàn tỉnh có tổng số 424 nhà rông, trong đó có 2 nhà rông được xây dựng ở trung tâm của các huyện như: của các huyện Sa Thầy, Đăk Tô và 422 nhà rông/ 593 làng dân tộc thiểu số, đạt tỷ lệ 71% làng dân tộc thiểu số có nhà rông; còn 172 làng dân tộc thiểu số, chiếm 29% chưa có nhà rông, song nhà rông truyền thống của đồng bào còn lại không nhiều mà chủ yếu là các nhà rông được dựng lại nên có những thay đổi căn bản về cấu trúc, dáng vẻ và nguyên liệu. 80% nhà rông ở huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum làm bằng bê tông, mái lợp tôn. Tại thời điểm chúng tôi nghiên cứu, (tháng 11 năm 2018) ở là thôn Kon Klo, thôn Kon Ro Wang (phườngThắng Lợi, thành phố Kon Tum - nơi chủ yếu đồng bào Ba-na sinh sống), thôn Klóc, thôn Đăk Mut (xã Đăk Mar), thôn Kon Plông (xã Đăk Uy) huyện Đăk Hà, nơi người Ba-na và Xơ-đăng sinh sống cho thấy, nhà sàn và nhà rông của đồng bào đã thay đổi rõ rệt, phần lớn ở nhà sàn, nhà rông được xây dựng trên nền xi măng, thay đổi mái lợp và các vật dụng trang trí, mục đích sử dụng, đa phần được dựng ngoài làng hoặc ở trung tâm xã nên hiệu quả của nhà rông không được phát huy. Ở phường Thắng Lợi, nhà rông của người Ba-na ở thôn Kon Klo về cơ bản là nhà rông truyền thống với mái lá, sàn tre, cầu thang gỗ...

nhưng đã xuống cấp trầm trọng. Tuy nhiên, chúng tôi được biết, trong những năm gần đây, do nhận thức rõ việc xây dựng nhà rông không đúng tập quán của đồng bào khiến các nhà rông không phát huy được vai trò của mình, bị bỏ hoang nên nhiều địa phương đã có những thay đổi để bảo tồn di sản văn hóa này. Cụ thể, Ủy ban nhân dân phường Thắng Lợi năm 2019 đã phối hợp với Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội vận động bà con trong phường sửa chữa nhà rông trên địa bàn thôn Kon Klo, đây là nhà rông của người Ba-na, lớn nhất tỉnh Kon Tum. Ngay từ đầu năm 2019, người dân đã phân công nhau đi cắt tranh, chặt tre, cây rui, cây chống, cây le và các loại vật liệu khác. Tổng kinh phí sửa chữa là 500 triệu đồng từ nguồn ngân sách của phường Thắng Lợi, người dân đóng góp 1.000 ngày công. Sau 3 tháng sửa chữa, tháng 1 năm 2020, Ủy ban nhân dân phường Thắng Lợi đã nghiệm thu và khánh thành nhà rông này.

Khi được hỏi về mức độ biến đổi nhà cửa của người Ba-na, Xơ-đăng tại địa phương, Ông A.Thin, thôn Kôn Klóc, xã Đăk Mar, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum cho biết: “Ngày nay, nhiều nét văn hóa của các dân tộc Tây Nguyên bị mai một. Nếu trước kia chủ yếu ở nhà sàn thì nay nhiều người ở nhà xây. Tùy thuộc vào hoàn cảnh kinh tế mà nhà ở khác nhau, nhiều nhà khá giả, ngoài mặt phố thì xây nhà cao tầng, còn ở trong các thôn bản đã xây nhà gạch, mái bằng hoặc lợp ngói, lợp tôn, số ít nhà lợp pờ rô xi măng. Như thôn Kôn Klóc này chỉ có 3-4 nhà mặt đất, xây nhưng mái lợp tôn và gỗ, còn lại nhà xây 3-4 phòng. Thuê thợ người Kinh làm. Ở nhà xây nên nhiều phong tục, tập quán của ông bà không còn

sử dụng. Người Ba-na theo Công giáo từ lâu rồi, người Xơ-đăng cũng có nhiều người theo, trong nhà họ có treo ảnh Chúa, hoặc cây thánh giá. Nhà rông của dân tộc Ba-na, Xơ-đăng hiện nay cũng thay đổi, không còn gỗ và nguyên vật liệu nên nhà rông người ta làm cầu thang, nền, cột bằng xi măng. Mái thì vẫn lợp tranh, xung quanh nhà rông vẫn dùng tranh tre, gỗ... nhưng giờ trong nhà rông không còn bố trí như ngày ông bà tôi nữa, không treo công chiêng, không có ché rượu... và nhiều nghi lễ cộng đồng không còn được thực hiện trong nhà rông đâu. Nhà rông giờ chủ yếu dùng để hội họp hoặc tổ chức các lớp học thô” [2].

3. Một số đánh giá, nhận xét

Cùng với nhà rông, nhà mồ và tượng nhà mồ là giá trị văn hoá vật chất đặc trưng, phản ánh quan niệm về sự sống và cái chết của cộng đồng các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên, trong đó có người Ba-na và Xơ-đăng, Cơ-tu, Gié - Triêng... nhằm làm đẹp cho ngôi mộ, chuẩn bị cho người chết một cuộc sống tốt nhất ở thế giới bên kia. Nhà mồ và tượng nhà mồ của các dân tộc ở Tây Nguyên được coi là nhà ở dành cho những người đã mất, nó mang một giá trị văn hóa, nghệ thuật sâu sắc, song hiện nay đang mai một, mất mát do nhiều tác động, đặc biệt tác động của tôn giáo mới. Ở người Ba-na theo Công giáo, đến trước ngày đổi mới, nhà mồ và tượng nhà mồ truyền thống đã không còn. Thay thế là ngôi mộ dài đắp đất tẩm bột hay xây kiên cố, trên mộ cắm cây thánh giá đề tên thánh của người đã khuất. Ở người Gié - Triêng, Brâu, nơi phần

lớn người dân vẫn theo tín ngưỡng truyền thống, mặc dù vẫn tồn tại lễ bỏ mả, nhưng phổ biến còn thấy ở các nghĩa địa là những nhà mồ đơn giản, với bốn cọc gỗ, hai mái lợp tranh hay tôn. Nhà mồ truyền thống chỉ thấy ở rất ít buôn làng vùng sâu vùng xa và đã giảm lược so với trước đây. Khác với các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên như Ba-na, Gia Rai... thì người Xơ-đăng không có lễ bỏ mả và tượng nhà mồ. Tượng gỗ dân gian này thường gắn với không gian của cổng làng. Xuất hiện ngày càng nhiều những ngôi mộ kiên cố xây gạch trát phẳng hay ốp đá hoa, có bia mộ khắc tên, đặt bát hương giống ngôi mộ của người Kinh. Tượng nhà mồ đã vắng bóng. Một mặt, người dân không có nhu cầu và điều kiện tạc tượng nhà mồ, mặt khác, những tượng nhà mồ cũ đã mục nát hư hỏng và có một thời gian hàng chục năm sau ngày giải phóng đã diễn ra tình trạng chảy máu tượng nhà mồ do tư thương tìm mua mang đi nơi khác. Chỉ còn ở rất ít buôn làng vùng sâu, vùng xa còn thấy tượng nhà mồ, nhưng số lượng ít hơn và đơn giản hơn. Một nữ cán bộ cho biết: “Nhà mồ và điêu khắc nhà mồ là một phong tục tập quán có từ lâu đời của các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên. Hiện nay, để thấy được những nhà mồ truyền thống theo văn hóa bản địa của đồng bào rất khó, chỉ có ở một số thôn, làng ở vùng sâu, vùng xa. Ở các khu vực trung tâm thành phố, hoặc những nơi có nhiều người Kinh sinh sống, nhà mồ gần như đã được hiện đại hóa, cũng là những ngôi mộ xây, lát đá hoặc sơn vôi, ve, xung quang xây tường bao thành các khu mộ. Nhiều gia đình còn làm bia, khắc tên, tuổi, ngày mất, ảnh và có bát hương giống người Kinh. Những gia đình

theo Công giáo, nhất là người Ba-na trên các ngôi mộ còn có cây thánh giá. Việc thay đổi này là do nguyên nhân nguồn vật liệu thiên nhiên không còn được tự do khai thác nên ngày càng cạn kiệt, thêm nữa do cộng cư với người Kinh, điều kiện kinh tế của đồng bào cũng khá giả hơn nên họ cũng muốn xây dựng cho ông bà, tổ tiên những ngôi mộ đẹp đẽ, tránh sau này thất lạc, không tìm thấy. Nhưng việc thay đổi này cũng khiến cho nhiều giá trị văn hóa đặc trưng của các dân tộc Tây Nguyên bị mất đi, không chỉ ở niềm tin, tín ngưỡng, văn hóa mà còn cả ở các giá trị nghệ thuật điêu khắc. Đây cũng là điều mà chúng tôi, những người làm văn hóa hết sức trăn trở. Mất bản sắc văn hóa, mất niềm tin tín ngưỡng là cơ hội để cho các tôn giáo mới xâm nhập và lợi dụng” (PVS, nữ, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Kon Tum, 2019) [2].

Trong khi đó, các tộc người Kơ-mú, Kháng, Xinh-mun, Mảng, Ô-đu... cư trú các tỉnh miền núi phía Bắc, trong truyền thống họ sống trong các ngôi nhà sàn, hoặc nhà đất quy mô nhỏ theo tộc người ở vùng cư trú. Với các dân tộc này, nhà cửa đã tiếp thu văn hóa của các dân tộc khác. Chẳng hạn như nhà của người Kháng, người Kơ-mú, Xinh-mun ở các tỉnh phía Bắc như: Lai Châu, Điện Biên, Sơn La lại tiếp thu cấu trúc ngôi nhà sàn của người Thái Đen, trong khi đó nhóm Kơ-mú, Ô-đu sinh sống ở miền Tây Thanh Hóa, Nghệ An lại ở trong những ngôi nhà sàn khá giống kiến trúc của người Mường, người Lào ở bên kia biên giới. Ngày nay, quá trình đổi mới, hội nhập và phát triển kinh tế đã khiến nhiều ngôi nhà được xây mái bằng, nhà xây mái ngói, mái tôn... theo kiến trúc của người Kinh đã được mọc lên nhiều hơn, đáp ứng nhu cầu nhà

ở trong bối cảnh đổi mới, hội nhập ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

4. Kết luận

Trong xu thế toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế hiện nay, văn hoá truyền thống của các dân tộc thiểu số ở miền núi nói chung, trong đó có nhà cửa các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Kơ-me đều có cơ hội tiếp nhận và tiếp biến với hầu hết các yếu tố văn hóa quốc gia Việt Nam cũng như với các nền văn hóa khác trong khu vực và trên thế giới để làm giàu và khẳng định bản sắc của mỗi dân tộc. Có thể nói, sau đổi mới, nhiều giá trị văn hóa nhà ở của các dân tộc thiểu số thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Kơ-me có sự biến đổi sâu sắc nhằm thích ứng với xu thế phát triển của thời đại, đồng thời sự tiếp nhận các giá trị văn hóa từ các dân tộc sống cận cư, trong và ngoài biên giới chứng minh cho sự đa dạng văn hóa và mối quan hệ tộc người một cách sâu sắc. Đã có sự khác biệt trong sự tiếp nhận văn hóa của tộc người đa số, của các tộc người cận cư ở những vùng cư trú khác nhau do gắn với nhiều yếu tố lịch sử tộc người, quá trình di cư, môi trường và đặc điểm văn hóa xã hội ở mỗi vùng, mỗi tộc người

Sự thích nghi, biến đổi là tất yếu, tuy nhiên các giá trị văn hoá truyền thống, nhất là văn hóa vật chất trong đó có nhà cửa của mỗi dân tộc phải đối diện với những thách thức rất lớn, dễ dẫn đến mai một hoặc bị xâm lấn bởi các giá trị văn hóa mới. Do đó, nhận thức kịp thời và rõ ràng về vấn đề này sẽ rất có ý nghĩa cho việc đưa ra những chính sách, giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa nhà cửa trong bối cảnh đổi mới, hội nhập là hết sức cần thiết.

Xét từ góc độ văn hoá, giao lưu và hội nhập, đặc biệt là quá trình toàn cầu hoá đã, đang và sẽ tác động mạnh mẽ tới những giá trị truyền thống tốt đẹp, cái làm nên bản sắc văn hoá riêng của mỗi dân tộc trong một nền văn hóa đa dạng nhưng thống nhất. Những tác động này vừa tạo điều kiện thuận lợi cho các dân tộc hình thành và phát triển những giá trị văn hoá mới, vừa có nguy cơ phá vỡ hoặc hủy hoại những giá trị văn hoá truyền thống đã được tích tụ và tạo nên bản sắc văn hoá dân tộc, do đó nó đặt ra những thách thức lớn đối với yêu cầu giữ gìn bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc. Giải quyết vấn đề này cần đảm bảo văn hóa truyền thống của dân tộc vừa tiếp thu được các giá trị của văn hóa quốc gia và tinh hoa văn hoá nhân loại, vừa giữ được bản sắc dân tộc vốn có.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bùi Văn Đạo (Chủ biên) (2006), *Dân tộc Ba na ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Thị Song Hà (2018-2019), *Kết quả khảo sát đề tài cấp Nhà nước*, mã số CTDT 11.17/16-20.
- [3] Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003), *Từ điển bách khoa Việt Nam*, t.3, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
- [4] Chu Thái Sơn (1984), “Vấn đề xây dựng nhà cửa của các dân tộc Tây Nguyên trong việc tổ chức nông thôn mới”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 1.
- [5] Tạp chí Dân tộc học (1979), “Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam do Tổng Cục trưởng Tổng Cục thống kê kí ban hành ngày 2 tháng 3 năm 1979”, số 1.
- [6] Vương Xuân Tình (Chủ biên) (2017), *Các dân tộc ở Việt Nam*, t.3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] Viện Ngôn ngữ học (2000), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [8] Nguyen Thi Song Ha, Pham Thi Cam Van (2019), *Changes in the Culture of Ethnic Khmer people in the Southern Vietnam in the Context of Renovation and Integration*, Journal of Mekong societies, Vol.15, No 3.